

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT QUỐC GIA VIỆT NAM**

Thái Thu Hoài

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

Ngành: Quản lý văn hoá

Mã số: 9229042

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ VĂN HÓA

Hà Nội – 2023

Công trình được hoàn thành tại:
VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT QUỐC GIA VIỆT NAM
BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Phạm Thị Thanh Tâm

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện
Hợp tại: **Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam**
Số 32, phố Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội
Vào hồi.... giờ....., ngày.....tháng.....năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam;

- Thư viện Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Xuất bản là một hoạt động đặc thù, vừa mang yếu tố chính trị - tư tưởng văn hóa, vừa mang yếu tố kinh tế. Xuất bản có vai trò quan trọng trong việc phổ biến, giới thiệu tri thức, giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, đáp ứng nhu cầu của Nhân dân, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh mặt tích cực thì hoạt động xuất bản (HĐXB) cũng còn tồn tại những hạn chế, đòi hỏi phải có phương thức quản lý phù hợp để nâng cao hiệu quả HĐXB và kiểm soát chặt chẽ để hạn chế tiêu cực.

Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương và chính sách quản lý HĐXB trong cả nước, nhằm định hướng, điều chỉnh HĐXB nước ta theo đúng khuôn khổ pháp luật, phát triển vững chắc, toàn diện. Trên cơ sở nền tảng chính sách và hành lang pháp lý của Nhà nước, HĐXB ở Thành phố Hồ Chí Minh (Tp.HCM) đã không ngừng nâng cao năng lực quản lý nhà nước (QLNN) để xây dựng một hệ thống quản lý, tiên tiến và hiện đại. Đặc biệt, sau gần 20 năm thực hiện Chỉ thị 42-CT/TW của Ban Bí thư, hơn 10 năm thực hiện *Luật Xuất bản* 2012, HĐXB đã có những bước phát triển mạnh mẽ, duy trì được sự ổn định chung, trong đó một số lĩnh vực còn có sự bứt phá, khối lượng xuất bản phẩm (XBP) tăng mạnh, cơ cấu, thể loại ấn bản phẩm ngày càng phong phú, đa dạng với chất lượng XBP tốt.

Bên cạnh những mặt đạt được của quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT thì vẫn còn tồn tại không ít những khó khăn, thách thức và hạn chế: Giữa mục tiêu chung của quản lý HĐXB với những mục tiêu cụ thể của các tổ chức và doanh nghiệp HĐXB còn chưa thực sự tương thích với nhau và chưa thực sự có hiệu quả quản lý cao trong bối cảnh hội nhập. Những xu hướng chính trị và xu hướng văn hóa khác nhau theo con đường hội nhập đã mang lại cho HĐXB những phương thức hoạt động mới, sản phẩm tinh hoa của thế giới, nhưng

trong số đó cũng không tránh khỏi những phương thức tổ chức quản lý HĐXB lạc hậu, từ đó có những sản phẩm không phù hợp với truyền thống văn hóa, có ảnh hưởng ít nhiều đến công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Trong khi đó, quản lý HĐXB của đất nước có những vấn đề chưa thực sự đáp ứng được đòi hỏi của bối cảnh HNQT, đó là công tác quản lý, điều hành hiện nay cho thấy sự chông chéo, tồn tại những lỗ hổng trong quản lý; cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý vĩ mô và giữa các thành tố trong dây chuyền HĐXB chưa thực sự hiệu quả v.v. Những vấn đề này tạo ra nhiều bức xúc, khó giải quyết, đặc biệt mỗi khi có sự vụ vi phạm xảy ra.

Với tầm ảnh hưởng to lớn của Tp.HCM đối với cả nước, những hạn chế và bất cập trong quản lý HĐXB tại Tp.HCM có thể lan tỏa trên diện rộng và tạo ra những hiệu ứng tiêu cực nếu có, trên cả phương diện chính trị, kinh tế, tư tưởng và văn hóa.

Những vấn đề liên quan đến HĐXB tại Tp.HCM nói trên đang đòi hỏi sự đầu tư nghiên cứu một cách nghiêm túc và toàn diện nhằm làm sáng tỏ hơn những vấn đề lý luận, những ứng dụng thực tiễn, thực trạng và những vấn đề đặt ra cho công tác quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong xu thế hội nhập.

Từ đó cần có nghiên cứu đánh giá toàn diện thực trạng và đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý HĐXB tại Tp.HCM, nhằm góp phần cung cấp cơ sở lý luận và luận cứ khoa học trên các phương diện chính trị, tư tưởng, pháp quyền nói chung, quản lý văn hóa nói riêng, phục vụ cho việc hoạch định chính sách quản lý HĐXB ở Tp.HCM trong bối cảnh HNQT hiện nay.

Về mặt thực tiễn, đề tài sẽ cung cấp bức tranh toàn cảnh về HĐXB và quản lý HĐXB, từ đó nhận diện mặt tích cực, những hạn chế, tiêu cực, làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp quản lý HĐXB tại Tp.HCM. Điều này sẽ góp phần đưa HĐXB phát triển, xứng đáng với tầm vóc và vị thế của một thành phố có tầm ảnh hưởng lớn trong bình diện chung của cả nước.

Trong những năm qua, HĐXB và quản lý HĐXB nói chung nhận được sự quan tâm của giới nghiên cứu trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, trong số các công trình nghiên cứu liên quan đến nội dung quản lý HĐXB được công bố, có rất ít các công trình nghiên cứu về HĐXB tại Tp.HCM nói chung, chưa có công trình nào dành riêng nghiên cứu một cách chính thể cho những vấn đề đặt ra đối với quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT.

Vi vậy, việc nghiên cứu quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT có ý nghĩa cấp thiết cả về phương diện lý luận và thực tiễn.

Từ những lý do trên, NCS quyết định chọn đề tài: *Quản lý hoạt động xuất bản tại Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế* làm luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý văn hóa với mong muốn góp phần vào việc nâng cao hiệu quả quản lý đối với HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT sâu rộng như hiện nay.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng quản lý HĐXB (quản lý lĩnh vực XB và phát hành XBP tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT); Tìm hiểu những vấn đề bất cập trong thực thi HĐXB từ góc độ quản lý, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Công tác quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về không gian*: Luận án giới hạn không gian nghiên cứu quản lý HĐXB tại Tp.HCM Trong đó, tập trung nghiên cứu quản lý HĐXB tại các đơn vị thực hiện chức năng quản lý như UBND Tp.HCM, Sở TTTT... và các đơn vị chức năng thực hiện quản lý phối hợp.

- *Về thời gian*: Luận án tập trung nghiên cứu việc quản lý HĐXB

tại Tp.HCM trong khoảng thời gian từ năm 2007 đến nay (là thời điểm Việt Nam bắt đầu tham gia WTO), trong đó đặc biệt là khoảng thời gian khi Luật Xuất bản 2012 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

- *Về nội dung*: Nghiên cứu tình hình HĐXB và thực trạng quản lý HĐXB, đề xuất giải pháp quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT.

Hoạt động xuất bản bao gồm 3 lĩnh vực là XBIPH. Luận án chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề QLNN đối với lĩnh vực XB (tại NXB) và PHXBP. Đối với hoạt động in, luận án chỉ đề cập trong những trường hợp có liên quan đến XB, PHXBP và quản lý HĐXB.

Quản lý HĐXB trong luận án được tiếp cận theo nội dung quản lý theo quy trình quản lý - vận hành, bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra HĐXB tại Tp.HCM. Vấn đề quản lý: luận án nghiên cứu QLNN đối với HĐXB, tiếp cận theo quy trình quản lý.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Luận án dựa trên cơ sở lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về văn hóa và quản lý văn hóa, về xuất bản và quản lý xuất bản.

4.2. Phương pháp cụ thể

- *Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu*: Hệ thống hóa cơ sở lý luận khoa học tổ chức - quản lý, các chính sách, chủ trương, các quy phạm pháp luật từ các văn bản do Đảng và Nhà nước ban hành liên quan đến lĩnh vực QLNN về văn hóa nói chung, về HĐXB và QLHĐXB tại Tp.HCM; tìm hiểu, khái quát các nghiên cứu đi trước liên quan đến các vấn đề về quản lý HĐXB; thu thập các báo cáo, đánh giá, khảo sát thống kê các nội dung liên quan đến quản lý HĐXB tại Bộ TTTT; Cục XBIPH; Ban Tuyên giáo, Thành ủy Tp.HCM; Sở TTTT Tp.HCM, các đơn vị XB, PHXBP tại Tp.HCM và các đơn vị có liên quan.

Nghiên cứu các nguồn tài liệu thứ cấp: các công trình nghiên cứu, đề tài khoa học, luận văn, luận án... liên quan đến đề tài luận án.

- *Phương pháp quan sát, tham dự:* Khi thực hiện phương pháp này, NCS tham dự các HĐXB để tìm hiểu việc XB, PHXBP tại thực tế trên địa bàn Tp.HCM, tham dự các hoạt động của các đơn vị quản lý tổ chức như tham gia hội thảo, hội nghị, hội sách trong nước và quốc tế tại Tp.HCM, tham dự các chương trình do Sở TTTT Tp.HCM tổ chức tại Đường sách và các địa phương trong thành phố. Quan sát, phỏng vấn và ghi chép chi tiết, khách quan những vấn đề diễn ra ở thực địa; Chụp ảnh, ghi âm, ghi hình HĐXB tại thực tế. Khai thác các nguồn tư liệu về thực tế HĐXB tại các đơn vị quản lý XB và các đơn vị XB, PHXBP tại Tp.HCM.

- *Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi:* Trong quá trình khảo sát, NCS đã quan sát, gặp gỡ, trao đổi với các nhà nghiên cứu về văn hóa và xuất bản, nhà quản lý văn hóa, nhà quản lý HĐXB, chuyên gia trong lĩnh vực văn hóa và XB, lãnh đạo các đơn vị XBIPH, cán bộ quản lý cửa hàng sách, phòng chức năng, nhân viên hoạt động trong lĩnh vực XB và kinh doanh XBP, những khách hàng là đối tượng thụ hưởng XBP...

Với phương pháp này, NCS đã tiến hành khảo sát 215 phiếu trả lời, thu về 200 phiếu hợp lệ. Đối tượng khảo sát là nhà nghiên cứu, chuyên gia trong lĩnh vực văn hóa, xuất bản; cán bộ quản lý HĐXB, quản lý các đơn vị HĐXB (trong đó có NXB và các đơn vị phát hành XBP) và người thụ hưởng XBP tại Tp.HCM.

- *Phương pháp phỏng vấn sâu:* NCS sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu để thu thập ý kiến, dữ liệu chuyên sâu mang tính chất định tính như đánh giá công tác quản lý hoạt động xuất bản tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT, các chủ trương hay một số giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT thông qua ý kiến của các chuyên gia và liên quan tới đối tượng nghiên cứu của luận án. Dự kiến nội dung phỏng vấn, lên kế hoạch tiếp xúc, tiến hành phỏng vấn.

NCS đã trải nghiệm, quan sát, phỏng vấn, ghi chép những nội dung liên quan đến đề tài. Mục đích của việc sử dụng phương pháp này là để khảo sát thực trạng HĐXB, PHXB cũng như hoạt động QLNN về HĐXB trên địa bàn Tp.HCM. NCS tiến hành phỏng vấn trực tiếp và gửi câu hỏi qua email người trả lời. Số người được phỏng vấn là 54 người, trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2023.

5. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

5.1. Câu hỏi nghiên cứu

Từ những vấn đề nêu trên, NCS tập trung nghiên cứu để trả lời các câu hỏi đặt ra như sau:

- Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý HĐXB tại Tp.HCM hiện nay được thiết lập và triển khai như thế nào?

- Thực trạng quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT hiện nay ra sao?

- Cần những giải pháp cụ thể nào để góp phần nâng cao hiệu quả quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT hiện nay?

5.2. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết nghiên cứu đặt ra đối với luận án là: Quản lý HĐXB tại Tp. HCM chưa thực sự hiệu quả là do phương thức, biện pháp và vai trò của chủ thể quản lý chưa được phát huy, đặc biệt là vai trò phối hợp quản lý chuyên ngành và liên ngành trong HĐXB chưa bám sát với thực tiễn và bối cảnh HNQT hiện nay tại Tp. HCM.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- Về mặt khoa học, luận án hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT, đưa ra nhận định, đánh giá việc quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT; vai trò của từng chủ thể quản lý cũng như vấn đề phối hợp giữa các cơ quan QLNN đối với hoạt động XB tại Tp.HCM trong bối cảnh hội nhập, từ đó đưa ra những giải pháp quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT.

- *Về mặt thực tiễn*, tìm hiểu, xây dựng bức tranh về hiện trạng quá trình quản lý HĐXB tại Tp.HCM từ lĩnh vực xuất bản và PHXBP, đề xuất các nhóm giải pháp quản lý phù hợp với bối cảnh hội nhập tại Tp.HCM.

Đây là công trình nghiên cứu đầu tiên nhận diện, đánh giá thực trạng về quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT với những thành tựu và hạn chế, phân tích các yếu tố tác động và đề xuất các nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả QLNN về HĐXB tại Tp.HCM. Kết quả từ những nghiên cứu của luận án sẽ cung cấp cho hệ thống quản lý NN của thành phố, cán bộ quản lý XB một cách nhìn toàn diện về công tác quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong thời gian qua và xác định được những vấn đề liên quan đặt ra trong thời gian tới. Trên cơ sở những nhận định khách quan, khoa học từ kết quả của luận án, với hệ thống giải pháp, kết quả nghiên cứu của luận án có thể sử dụng làm tài liệu nghiên cứu hữu ích cho công tác quản lý, nghiên cứu, giảng dạy về quản lý văn hóa và ngành XB tại các trường đại học, các học viện, các trung tâm đào tạo khác có liên quan...

7. Kết cấu luận án

Luận án gồm 2 phần:

Phần chính văn:

Ngoài phần Mở đầu (7 trang), Kết luận (3 trang), Tài liệu tham khảo (8 trang) và Danh mục các công trình đã công bố, phần nội dung chính của luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận và khái quát về Thành phố Hồ Chí Minh (49 trang);

Chương 2: Thực trạng quản lý hoạt động xuất bản tại Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế (53 trang)

Chương 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động xuất bản tại Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế (46 trang).

Phần phụ lục gồm: 07 mục (100 trang)

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT VỀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến hoạt động xuất bản và quản lý hoạt động xuất bản nói chung

- *Các công trình nước ngoài:* Qua tìm hiểu về các công trình của các tác giả nước ngoài cho thấy có nhiều công trình nghiên cứu về HĐXB ở góc độ là một ngành công nghiệp văn hóa. Các công trình này cũng đã chỉ ra sự khác biệt của ngành công nghiệp văn hóa toàn cầu này ở các quốc gia khác nhau (Mỹ, châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, các quốc gia Đông Nam Á...) về công nghệ, ứng dụng kỹ thuật, xu hướng thị trường, tình hình cạnh tranh...

- *Các công trình trong nước:* Hầu hết các công trình nghiên cứu về XB và quản lý HĐXB công bố trong những năm gần đây đều có liên quan đến nội dung nghiên cứu của luận án dưới hai góc nhìn khái quát về XB và các hoạt động quản lý XB cụ thể. Các công trình nghiên cứu chung, khái quát về xuất bản và các công trình nghiên cứu quản lý về HĐXB.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về quản lý hoạt động xuất bản tại Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Điềm qua các công trình nghiên cứu đã công bố cho thấy có rất ít công trình dành riêng chuyên khảo về vấn đề quản lý HĐXB tại Tp.HCM. Luận án là công trình đầu tiên nghiên cứu về quản lý HĐXB tại Tp.HCM một cách chính thể, được đặt trong bối cảnh HNQT.

1.1.3. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu và những vấn đề đặt ra cho nghiên cứu quản lý hoạt động xuất bản tại Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập

Các công trình nghiên cứu về XB đã cho NCS một cái nhìn tổng quan về lịch sử hình thành, đặc điểm, những thay đổi về cơ cấu ngành,

xu thế của hoạt HĐXB trong tương lai,.. Khi xây dựng luận án, NCS nghiên cứu, tham khảo cụ thể các giải pháp mà các công trình trước đã đề xuất, đặt nó trong tính chỉnh thể để tìm ra được các giải pháp tối ưu phù hợp với địa bàn Tp.HCM nhằm nâng cao chất lượng quản lý HĐXB ở một địa phương cụ thể là Tp.HCM trong bối cảnh cụ thể là bối cảnh HNQT.

1.2. Cơ sở lý luận về quản lý hoạt động xuất bản tại Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế

1.2.1. Một số khái niệm: Những khái niệm được đề cập trong luận án là những khái niệm liên quan đến Hoạt động xuất bản, Quản lý hoạt động xuất bản và Hội nhập quốc tế.

1.2.2. Lý thuyết vận dụng trong luận án: Luận án tập trung nghiên cứu quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT, do vậy lý thuyết cơ bản cần áp dụng trong luận án đó chính là lý thuyết về quản lý. HĐXB là một hoạt động đặc thù, vừa phải đảm bảo về vấn đề chính trị tư tưởng, vừa phải đảm bảo về hiệu quả kinh tế, cho nên luận án còn áp dụng Lý thuyết “bàn tay hữu hình” của John Maynard Keynes.

1.2.3. Nội dung quản lý đối với hoạt động xuất bản

Dựa trên các luận điểm, lý thuyết về quản lý văn hóa nói chung cùng những cơ sở của nội dung quản lý Nhà nước về xuất bản được qui định tại Điều 06, Chương I theo Luật Xuất bản năm 2012, có quy định 07 nội dung QLNN về HĐXB, căn cứ và tình hình thực tế quản lý HĐXB hiện nay tại Tp.HCM, NCS tiến hành phân tích, đánh giá thực trạng QLHĐXB với những nội dung chính như sau:

1. *Xây dựng và ban hành hệ thống văn bản qui phạm pháp luật*
2. *Tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển HĐXB*

3. *Tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực và đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về hoạt động xuất bản và quản lý hoạt động xuất bản*

4. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật

5. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin và hợp tác quốc tế trong HĐXB

1.3. Khái quát về Thành phố Hồ Chí Minh

1.3.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội, cộng đồng dân cư tại Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố trực thuộc Trung ương, được xếp loại là đô thị đặc biệt của VN, giữ vai trò đầu tàu kinh tế của cả nước, được xem là trung tâm về kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, đầu mối giao lưu và HNQT, Tp.HCM có sức thu hút và lan tỏa lớn của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

1.3.2. Nhu cầu hưởng thụ văn hoá và xuất bản phẩm

Thành phố Hồ Chí Minh là nơi hội tụ văn hoá các vùng miền của VN cũng như nhiều khu vực trên thế giới. Trong lòng một thành phố phát triển mạnh về kinh tế, là một bức tranh văn hoá đa sắc màu. Vì vậy nhu cầu hoạt động văn hoá, hưởng thụ các giá trị văn hoá vô cùng đa dạng

1.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động xuất bản tại Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố đa trung tâm, được định hướng là đô thị đa chức năng và Tp.HCM có nhiều hướng phát triển, những nội dung này có ảnh hưởng đến vấn đề QLHĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT.

1.3.4. Đặc điểm của bối cảnh hội nhập quốc tế trong quản lý hoạt động xuất bản ở Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là kênh tiếp nhận nguồn tri thức thế giới nhanh và đa dạng nhất, thành phố luôn đi đầu trong công nghệ xuất bản và kinh doanh xuất bản phẩm, tính đa dạng trong nhu cầu hưởng thụ văn hoá, trong đó có nhu cầu về XBP của cộng đồng dân cư. Quá

trình và nội dung HNQT từ Tp.HCM sẽ lan tỏa ra cả nước và góp phần tạo nên xu thế hội nhập của cả nước. Quản lý HĐXB có thể là mẫu hình để các địa phương trong cả nước tham khảo, trong đó chứa đựng cả phương thức, nội dung của HNQT.

1.3.5. Tác động của xu hướng hội nhập quốc tế đến quản lý hoạt động xuất bản tại Tp. Hồ Chí Minh:

Tác động của HNQT trong quản lý HĐXB ở Tp.HCM chứa đựng cả mặt tích cực và mặt tiêu cực. Xu thế hợp tác mở ra điều kiện cho sự phát triển dân chủ, bình đẳng, cùng có lợi. Điều này đang trở thành hiện thực ở Tp.HCM thể hiện trong HĐXB, mở ra điều kiện thuận lợi về thông tin tri thức khoa học - công nghệ, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) làm biến đổi cả về quy mô và phương thức phát triển của nhân loại trong đó quản lý HĐXB và Tp.HCM là địa phương có đủ điều kiện tiếp thu nhất. HĐXB và quản lý HĐXB vừa trực tiếp vừa gián tiếp tạo ra động lực thúc đẩy các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác đẩy nhanh quá trình HNQT.

Tiểu kết

Nội dung chương 1 đã tổng thuật các kết quả nghiên cứu từ các công trình đã công bố trên thế giới và trong nước, hầu hết các công trình nghiên cứu đã công bố cung cấp những nhận thức hệ thống tổng quan về quản lý HĐXB, cách tiếp cận HĐXB và quản lý HĐXB. Luận án xác định những điểm mới chưa được nghiên cứu đầy đủ trong các công trình đi trước, từ đó định hướng nhiệm vụ nghiên cứu tiếp theo của luận án.

Nội dung chương 1 đã trình bày cơ sở lý luận về HĐXB và quản lý HĐXB, những khái niệm liên quan đến lý luận nhận thức HĐXB, QLHĐXB và HNQT làm cơ sở lý luận để soi chiếu vào HĐXB tại Tp.HCM đặt trong bối cảnh hội HNQT xuyên suốt những nội dung tiếp theo của luận án. Nội dung chương 1 còn xác định lý thuyết áp dụng trong luận án và khung phân tích của luận án. Chương 1 của luận án đề cập vị thế của Tp.HCM là địa bàn nghiên cứu của luận án, trong vai trò

là một trong hai trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa lớn của cả nước, HĐXB có sức lan tỏa mạnh mẽ XBP trên phạm vi quốc gia và là đầu mối giao thương quốc tế trong quá trình HNQT.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

2.1. Chủ thể quản lý và cơ chế phối hợp quản lý hoạt động xuất bản tại Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế

2.1.1. Chủ thể quản lý hoạt động xuất bản tại Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Chủ thể QLNN hiểu theo nghĩa chung nhất là bộ máy đại diện cho Nhà nước hiện quản lý hệ thống tổ chức và HĐXB. Đây chính là thiết chế quản lý theo lý thuyết “Bàn tay hữu hình” thiết lập hành lang pháp lý và thực thể quyền lực trong quản lý. Theo nghĩa hẹp và cụ thể hơn là Chính phủ thống nhất chung về QLNN đối với đối tượng quản lý, Bộ TTTT chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện QLNN về HĐXB tại Việt Nam, Cục XBIPH, UBND Tp.HCM, Sở TTTT Tp.HCM quản lý HĐXB tại Tp.HCM.

2.1.2. Cơ chế phối hợp

Theo Điều 3, chương 1, Nghị định 95/2013/NĐ-CP, ngày 21 tháng 11 năm 2013 *Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản* đã qui định về trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc QLNN về HĐXB: Bộ Công an; Bộ Công Thương; Bộ VHTTDL; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính...

Ngoài ra còn có các đơn vị chủ quản của các NXB, công ty PHS; các địa phương trong Thành phố,...

2.2. Tình hình hoạt động xuất bản tại Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Về cơ sở hạ tầng liên quan hoạt động xuất bản: Tp.HCM có thành phần Nxb đa dạng, hoạt động với các mô hình, mục tiêu, quy mô, tầm ảnh hưởng khác nhau, là địa phương tập trung nhiều đơn vị xuất bản, in và phát hành nhất của cả nước với gần 40 NXB và các cơ sở hoạt động xuất bản trong đó có 02 Nxb thành phố; 04 Nxb thuộc Đại học, Trường Đại học Tp.HCM; 05 Văn phòng đại diện Nxb nước ngoài và 28 chi nhánh Nxb Trung ương, địa phương đặt tại Tp.HCM. Ngoài ra, Thành phố có hơn 140 đơn vị doanh nghiệp PH XBP, trong đó có các doanh nghiệp có quy mô và mô hình hoạt động PHS đứng đầu cả nước. Theo báo cáo của Sở TTTT Tp.HCM, từ năm 2013 đến năm 2022, tổng số XBP được đăng ký là 42.462, trong đó có 30.359 XBP được ghi nhận đã nộp lưu chiểu, đối với 03 Nxb trực thuộc Tp.HCM thì tổng số XBP đăng ký là 28.832 và đã nộp lưu chiểu 22.112 XBP, bình quân mỗi năm Tp.HCM XB khoảng 02 triệu bản sách, tốc độ tăng trưởng khoảng 10%/năm. Bên cạnh đó, Thành phố có 1.360 doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh dịch vụ in ấn chiếm gần 2/3 số doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ in ấn của cả nước, trong đó in xuất bản phẩm chiếm 35% (476 doanh nghiệp in).

- Về vấn đề HNQT, HĐXB ở Tp.HCM đã có những bước phát triển, HNQT đúng với chủ trương, định hướng của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2.3. Thực trạng quản lý hoạt động xuất bản ở Tp. Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế

2.3.1. Xây dựng, ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản liên quan

Việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản có tính chất định hướng, hoạch định chính sách, xây dựng cơ chế, quản lý, chỉ đạo, điều hành về lĩnh vực XBIPH và sử dụng XBP luôn được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ngày càng được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, trong bối cảnh HNQT hiện nay, việc có những văn bản cụ

thể hóa những nội dung được qui định đối với hoạt động XB cũng như có những hướng dẫn kèm theo chưa được quan tâm triệt để, dẫn đến những đơn vị HĐXB tại Tp.HCM gặp khó khăn trong HĐXB trong đó có việc xuất khẩu sách ra nước ngoài.

2.3.2. Tổ chức thực hiện chiến lược, qui hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển hoạt động xuất bản

Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai thực hiện Quyết định 115/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 01/CT-BTTTT ngày 20 tháng 01 năm 2023 của Bộ TTTT về Định hướng phát triển ngành Thông tin và Truyền thông năm 2023 và giai đoạn 2024-2025 và một số các văn bản chỉ đạo khác, thực hiện hiệu quả những chiến lược, qui hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển HĐXB cụ thể trong thời gian qua.

2.3.3. Tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực và đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về hoạt động xuất bản và quản lý hoạt động xuất bản

Tổ chức bộ máy QLNN đối với HĐXB được quy định bởi Hiến pháp năm 2013, Luật Xuất bản năm 2012, Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản và các văn bản pháp luật khác. Tại Tp.HCM đã áp dụng cụ thể, cơ bản phù hợp với yêu cầu của địa phương. Tuy nhiên, xét về thực chất năng lực hoạt động của đội ngũ quản lý chưa tương xứng với sự phát triển của HĐXB của Tp.HCM nhất là trong bối cảnh HNQT hiện nay.

2.3.4. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật

Công tác thanh tra, kiểm tra HĐXB tại Tp.HCM được tiến hành thường xuyên và có nhiều đổi mới về phương thức, quy trình, thủ tục. Công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường tuy nhiên còn chưa triển khai đồng bộ giữa các chủ thể quản lý và chủ thể phối hợp quản lý

HĐXB tại Tp.HCM.

2.3.5. Công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin và hợp tác quốc tế trong hoạt động xuất bản

Thành phố Hồ Chí Minh đã có những hoạt động cụ thể trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, tuy nhiên hoạt động NCKH vẫn chưa phát triển tương xứng với sự phát triển của HĐXB của thành phố trong bối cảnh HNQT hiện nay. Trong bối cảnh số hóa toàn cầu, chuyển đổi số là nhu cầu tất yếu, cấp thiết trong giai đoạn hiện nay của Tp.HCM, là xu thế phát triển của mọi ngành nghề, trong đó có ngành xuất bản. Hợp tác quốc tế trong HĐXB ở Tp.HCM được tiến hành chủ yếu trên các lĩnh vực là trao đổi VHP giữa các nước, các vùng lãnh thổ, thúc đẩy tiến trình phát triển của hoạt động xuất, nhập khẩu VHP.

2.4. Đánh giá chung về quản lý hoạt động xuất bản tại Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập

- *Thành tựu đạt được:* Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thường xuyên được sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung nhằm đáp ứng định hướng của Đảng và Nhà nước. Quá trình tổ chức xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách đối với HĐXB đã góp phần quan trọng vào sự ổn định, phát triển của HĐXB tại Tp.HCM. Tổ chức tham mưu xây dựng và thực hiện pháp luật đối với HĐXB, UBND Tp.HCM đã chủ động, tích cực tham gia xây dựng chính sách về XB. Thành phố đã chú trọng cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành của cơ quan QLNN về HĐXB. Công tác thông tin, tuyên truyền phổ biến pháp luật được tiến hành có hiệu quả từ cấp độ, quy mô của Tp.HCM và các thành phố, quận, huyện trực thuộc. Công tác thanh tra, kiểm tra đã từng bước chuẩn hóa, chuyên nghiệp hơn, được tiến hành thực hiện đồng bộ và có nhiều đổi mới về phương thức, quy trình, thủ tục và có kế hoạch cụ thể hàng năm và đột xuất.

- *Hạn chế:* Về việc vận dụng các chủ trương, chính sách của Trung ương vào địa bàn Tp.HCM, ban hành và tổ chức thực hiện chiến lược, qui hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển HĐXB các quyết sách về HĐXB và quản lý HĐXB, công tác tổ chức bộ máy vận hành HĐXB nhìn chung có đổi mới nhưng chưa thực sự hiện đại, chưa theo kịp xu thế chung của thế giới trong bối cảnh HNQT. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm mặc dù đã được tăng cường, phân cấp theo chức năng nhiệm vụ từ Trung ương đến thành phố nhưng sự phối hợp chưa đồng bộ. Công tác tổ chức NCKH về QLNN về HĐXB tại Tp.HCM còn hạn chế. Tp.HCM chưa tận dụng hết cơ hội trong bối cảnh HNQT để đẩy mạnh và tạo ra sự cân đối giữa xuất và nhập khẩu trong HĐXB.

Tiểu kết

Chương 2 của luận án nghiên cứu về thực trạng QLHĐXB của Tp.HCM trong bối cảnh HNQT. Là một thành phố lớn của cả nước với những lợi thế vốn có của mình, Tp.HCM tập trung lực lượng HĐXB là hệ thống các NXB, các công ty kinh doanh XBP với những hoạt động sôi nổi, hiệu quả, cung cấp số lượng lớn hàng hóa XBP không những cho riêng Tp.HCM cung ứng cho toàn quốc trong đó có xuất khẩu XBP ra nước ngoài. Trên cơ sở xác định chủ thể quản lý và khách thể quản lý phối hợp, chương 2 đi sâu đánh giá thực trạng công tác QLHĐXB tại Tp. HCM, quan phân tích thực trạng, chương 2 đã nêu được những thành tựu nhất định và những hạn chế, đây là cơ sở quan trọng để đề xuất các nhóm giải pháp đồng bộ và có tính bền vững để nhằm nâng cao hiệu lực quản lý, hạn chế tiêu cực, phát huy mặt mạnh, đưa HĐXB thành một lĩnh vực hoạt động tích cực, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hoá của Nhân dân trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế, trở thành một mẫu hình tiêu biểu cho hoạt động QLNN đối với các địa phương khác trong cả nước nghiên cứu và vận dụng.

Chương 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Kinh nghiệm quốc tế về quản lý hoạt động xuất bản và vận dụng cho quản lý hoạt động xuất bản ở Thành phố Hồ Chí Minh

3.1.1. Kinh nghiệm quốc tế về quản lý hoạt động xuất bản

NCS đã trình bày kinh nghiệm quản lý xuất bản của các nước tiêu biểu như Singapore, Trung Quốc, Mỹ, Vương quốc Anh.

3.1.2. Những kinh nghiệm vận dụng cho quản lý hoạt động xuất bản ở Thành phố Hồ Chí Minh

Các nước tập trung quản lý nội dung XBP trên cơ sở bản quyền. Ở một số quốc gia thì Nhà nước ban hành chính sách quản lý giá sách thống nhất trên cả nước. Sự hài hòa giữa mục tiêu chính trị, kinh tế của Nhà nước với chủ thể hoạt động xuất bản. Ở các quốc gia trên thế giới, số lượng các Nxb tương đối lớn nhưng đa số đều thuộc sở hữu của tư nhân.

Đối với công tác lãnh đạo và quản lý trong thời gian tới, VN cũng như Tp.HCM cần tập trung đổi mới công tác quản lý, xây dựng hệ thống pháp luật thể hiện rõ nét ưu đãi của Nhà nước đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh đặc thù qua cơ chế chính sách của Nhà nước; hỗ trợ phát triển văn hóa đọc và thực hiện có hiệu quả, đầy đủ cơ chế hậu kiểm.

3.2. Các căn cứ đề xuất giải pháp

3.2.1. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất bản

Quan điểm của Đảng và Nhà nước đối với HĐXB được thể hiện rất cụ thể tại Quyết định số 115/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc *Phê duyệt Đề án quy hoạch phát triển XBIPH XBP đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.*

3.2.2. Phương hướng, nhiệm vụ công tác văn hóa nói chung và hoạt động xuất bản nói riêng của Thành phố Hồ Chí Minh

Những định hướng về phát triển văn hóa Tp.HCM là nền tảng tư tưởng và cơ sở pháp lý để xây dựng các giải pháp nâng cao năng lực và hiệu quả QLNN đối với HĐXB tại Tp.HCM nhằm nâng cao chất lượng của HĐXB trong bối cảnh HNQT.

3.2.3. Dự báo xu hướng phát triển hoạt động xuất bản tại Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận định chung là HĐXB tại Tp.HCM sẽ tăng trưởng mạnh do nhu cầu hưởng thụ XBP tăng mạnh. Thời đại kỹ nguyên công nghệ số và xu thế hội nhập đã và đang tạo ra những thay đổi mang tính cách mạng trong HĐXB.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động xuất bản tại Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế

3.3.1. Nhóm giải pháp về công tác xây dựng và ban hành hệ thống văn bản qui phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xuất bản: Đẩy mạnh hoạt động truyền thông về đường lối, chính sách về xuất bản. Đẩy mạnh thông tin nội bộ trong ngành XB tại Tp.HCM. Đổi mới phương pháp truyền thông phù hợp với xu thế HNQT.

3.3.2. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển hoạt động xuất bản: Tạo sự phù hợp trong kết cấu hạ tầng đô thị, tạo thuận lợi cho việc nâng cao chất lượng hạ tầng hoạt động xuất bản. Đẩy mạnh việc phân cấp xây dựng quy hoạch và giám sát chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch. Thường xuyên bổ sung và hoàn thiện quy hoạch theo phân cấp.

3.3.3. Nhóm giải pháp về phương thức tổ chức hệ thống quản lý: Xây dựng và tăng cường chất lượng hệ thống mạng lưới QLHĐXB tại Tp.HCM. Phân cấp trách nhiệm và nâng cao chất lượng hệ thống QLHĐXB trên địa bàn Tp.HCM. Ổn định phương thức vận hành hoạt động quản lý ngành XB trên địa bàn Tp.HCM để nâng cao chất lượng QLHĐXB trong bối cảnh HNQT. Liên kết đa ngành tham gia QLHĐXB phù hợp với địa bàn Tp.HCM. Thường xuyên trang bị kiến

thức cho đội ngũ quản lý HĐXB ở cơ sở về XBP và phương thức quản lý, về đặc điểm địa bàn và đối tượng hưởng thụ XBP, về các mối quan hệ liên ngành hình thành trong quản lý HĐXB và ứng xử văn hóa trong quản lý. Thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao nhận thức pháp luật và văn hóa cho hệ thống HĐXB phù hợp với địa bàn Tp.HCM.

3.3.4. Nhóm giải pháp về truyền thông, nâng cao nhận thức: Đẩy mạnh hoạt động truyền thông về đường lối, chính sách về xuất bản. Đẩy mạnh thông tin nội bộ trong ngành XB tại Tp.HCM. Đổi mới phương pháp truyền thông phù hợp với xu thế hội nhập. Thường xuyên trang bị kiến thức cho đội ngũ quản lý HĐXB ở cơ sở về XBP và phương thức quản lý, về đặc điểm địa bàn và đối tượng hưởng thụ XBP, về các mối quan hệ liên ngành hình thành trong QLHĐXB và ứng xử văn hóa trong quản lý. Thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao nhận thức pháp luật và văn hóa cho hệ thống HĐXB trên địa bàn Tp.HCM.

3.3.5. Nhóm giải pháp về xây dựng và tăng cường nguồn lực cho hệ thống quản lý: Tăng cường nguồn lực vật chất, đảm bảo điều kiện tối thiểu cho công tác quản lý phù hợp với đặc điểm công nghệ văn hoá của HĐXB. Tăng cường nguồn lực tài chính đảm bảo cho việc vận hành bộ máy hoạt động thường xuyên, định kỳ và không định kỳ. Tăng cường nguồn lực con người đủ khả năng tiếp cận nhận thức, có trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu quản lý.

3.3.6. Nhóm giải pháp về công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra: Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra theo chế độ định kỳ, kết hợp với chế độ kiểm tra bất thường, liên tục. Xây dựng quy chế kiểm tra HĐXB phù hợp với điều kiện đặc thù của Tp.HCM.

3.3.7. Nhóm giải pháp về hội nhập quốc tế Tiến hành điều tra tổng thể về nhu cầu trao đổi và tiếp cận quốc tế về xuất bản phẩm của các tổ chức chính trị xã hội, các cộng đồng dân cư trên địa bàn Tp.HCM. Tiếp cận các khu vực tri thức hiện đại và tiên tiến trên thế giới để thiết lập các quan hệ hợp tác quốc tế. Tranh thủ cơ hội và điều

kiện HNQT để đẩy mạnh xuất khẩu XBP của VN nói chung, Tp.HCM nói riêng ra thế giới.

Tiểu kết

Từ những căn cứ lý luận ở chương 1 và đánh giá phân tích quản lý HĐXB ở chương 2, chương 3 của luận án đề xuất hệ thống giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT gồm những nội dung cơ bản dựa trên các tiêu chí đánh giá chung về quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT cũng như nội dung quản lý và kết quả đánh giá hoạt động quản lý XBP ở cuối chương 2. Những kinh nghiệm quốc tế về QLHĐXB vận dụng cho QLHĐXB ở Tp.HCM cùng các căn cứ đề xuất giải pháp, trong đó có các căn cứ như quan điểm của ĐCSVN về QLNN đối với HĐXB cũng như phương hướng, nhiệm vụ công tác văn hóa nói chung và hoạt động xuất bản nói riêng của Tp. HCM và dự báo xu hướng phát triển HĐXB tại Tp.HCM là các cơ sở quan trọng để NCS đề xuất các nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả QLHĐXB tại Tp. HCM trong bối cảnh HNQT.

Hệ thống giải pháp bao gồm 7 nhóm giải pháp lớn và những giải pháp cụ thể chứa đựng các nội dung giải pháp về công tác xây dựng và ban hành hệ thống văn bản qui phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xuất bản; về tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển hoạt động xuất bản; về phương thức tổ chức hệ thống quản lý; về xây dựng và tăng cường nguồn lực cho hệ thống quản lý; về công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra HĐXB và giải pháp về HNQT.

Đây là hệ thống giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý có tính chất chiến lược, lâu dài, được đặt ra với mục đích hướng vào trọng tâm giải quyết những vấn đề đặt ra ở những vấn đề thực trạng của công tác quản lý, đặc biệt là nguyên nhân của những hạn chế trong quản lý HĐXB bản trong bối cảnh HNQT, bảo đảm yêu cầu về mặt lý thuyết cũng như tính

khả thi khi áp dụng vào thực tiễn của một thành phố năng động như Tp.HCM. Hệ thống các nhóm giải pháp trên đây có ý nghĩa định hướng cho việc nghiên cứu cụ thể hoá các giải pháp cụ thể vận dụng trong điều kiện của Tp.HCM và có thể tham chiếu vận dụng trên địa bàn nhiều địa phương có yếu tố tương đồng trong cả nước.

KẾT LUẬN

1. Nghiên cứu quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT hiện nay là một vấn đề vừa mang tính khoa học, vừa có giá trị thực tiễn cao. Vì thế, vấn đề QLHĐXB nói chung, vận dụng trong điều kiện đặc thù của Tp.HCM nói riêng thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều tổ chức và nhiều nhà khoa học trên thế giới và trong nước.

Trên bình diện quốc tế, nhiều công trình khoa học đã xác lập hệ thống lý luận bao hàm những khái niệm liên quan đến quản lý HĐXB, vận dụng nội hàm các khái niệm vào việc nghiên cứu các thành tố quản lý HĐXB. Những công trình này cung cấp cho tác giả luận án nền tảng lý luận nhận thức để vận dụng vào đối tượng nghiên cứu cụ thể là HĐXB và quản lý HĐXB tại Tp.HCM.

Song song với các công trình quốc tế mang lại những nhận thức tổng quan thì nhóm các công trình trong nước, bao gồm các văn bản của Đảng, Nhà nước, các công trình nghiên cứu lý luận, các khảo cứu của các nhà khoa học về XB và quản lý HĐXB tại Tp.HCM nói riêng trong bối cảnh HNQT vừa cung cấp hệ thống lý luận, vừa là kết quả khảo cứu về nội hàm quản lý, các thành tố và các giải pháp quản lý văn hóa, vận dụng cho đối tượng XB và quản lý XB trên bình diện quốc gia. Đây là cơ sở quan trọng để luận án xác lập hệ thống nhận thức về các chủ trương, chính sách liên quan đến đối tượng nghiên cứu, cung cấp thông tin và hệ thống quan điểm đánh giá về thực trạng hoạt động và quản lý HĐXB cả nước nói chung, tại Tp.HCM nói riêng trong bối cảnh HNQT.

2. Kết quả nghiên cứu đã đáp ứng yêu cầu đề ra của nhiệm vụ

ngiên cứu là tập hợp phân tích các công trình nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án để kế thừa, tiếp thu giải quyết mục tiêu nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài; Nghiên cứu cơ sở lý luận, lý thuyết vận dụng trong luận án, xây dựng khung cấu trúc phân tích áp dụng vào nghiên cứu thực trạng về quản lý HĐXB cụ thể là nghiên cứu quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT; Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT, tìm ra những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân. Từ kết quả của thực trạng HĐXB, vận dụng lý thuyết “bàn tay hữu hữu hình” luận án đã đề xuất các nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT.

3. Luận án đã tập trung nghiên cứu để trả lời các câu hỏi đặt ra trong nghiên cứu, làm sáng tỏ việc thiết lập hệ thống tổ chức bộ máy quản lý HĐXB tại Tp.HCM hiện nay; thực trạng quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT và những nhóm giải pháp cùng với những giải pháp cụ thể để góp phần nâng cao hiệu quả quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT hiện nay.

Tiền đề đặt ra cho nhiệm vụ nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu chính là việc đặt ra giả thuyết nghiên cứu về thực trạng chưa thực sự hiệu quả là do phương thức, biện pháp và vai trò của chủ thể quản lý chưa được phát huy, đặc biệt là vai trò phối hợp quản lý chuyên ngành và liên ngành trong HĐXB chưa bám sát với thực tiễn và bối cảnh HNQT hiện nay tại Tp.HCM.

4. Trong quá trình thực hiện các công đoạn nghiên cứu, luận án đã tổng quan hệ thống các công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài giúp tác giả luận án nhận diện những vấn đề lý luận và thực tiễn mà những người đi trước đã giải quyết ở những mức độ khác nhau, từ đó kế thừa và vận dụng một cách thích hợp vào những vấn đề đặt ra trong luận án. Đó cũng là điểm xuất phát để tác giả luận án đề ra hướng nghiên cứu tiếp theo nhằm khảo cứu một cách có hệ thống, đầy đủ

những nội dung đặt ra trong đề tài. Trên cơ sở đó, tác giả luận án xây dựng những luận đề khoa học, hướng tới nhiệm vụ chính của luận án là đánh giá đúng thực trạng và đưa ra những giải pháp chứa đựng tính mới, tính khoa học và tính thực tiễn nhằm nâng cao hiệu lực quản lý HĐXB tại Tp.HCM trong bối cảnh HNQT.

5. Luận án đã phân tích, đánh giá thực tiễn hoạt động quản lý đối với lĩnh vực XB kể từ khi có đường lối của Đảng, đặc biệt là từ khi Việt Nam gia nhập tổ chức Thương mại Thế giới (2007) và sau khi Quốc hội ban hành Luật Xuất bản (2012), đã có những thành tựu đáng kể.

Hoạt động quản lý đối với HĐXB ở Tp.HCM trong bối cảnh hội nhập đã có những tiến bộ đáng kể. QLNN về HĐXB đã thực hiện đường lối, chủ trương, phương châm chiến lược của Đảng, Pháp luật của Nhà nước để đưa HĐXB vào nề nếp, vừa tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ trong bối cảnh hội nhập, vừa giữ được kỷ cương, phép nước, phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực trong bối cảnh HNQT.

Mặc dù vậy, quá trình quản lý HĐXB cũng còn để lại nhiều hạn chế, thiếu sót cần được sớm khắc phục để lành mạnh hóa môi trường phát triển của HĐXB.

6. Dựa vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên cơ sở lý luận và thực tiễn về HĐXB nói chung, quản lý HĐXB ở Tp.HCM nói riêng trong bối cảnh hội nhập, luận án đề xuất 7 nhóm giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả QLHĐXB bao gồm 23 nội dung:

- Nhóm giải pháp về hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý gồm 3 nội dung

- Nhóm giải pháp về phương thức tổ chức hệ thống quản lý, gồm 4 nội dung

- Nhóm giải pháp về quy hoạch; gồm 3 nội dung

- Nhóm giải pháp về truyền thông, nâng cao nhận thức, gồm 5 nội dung

- Nhóm giải pháp về xây dựng và tăng cường nguồn lực cho hệ

thống quản lý, gồm 3 nội dung

- Nhóm giải pháp về công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra HĐXB, gồm 2 nội dung

- Nhóm giải pháp về HNQT, có 3 nội dung.

Những nhóm giải pháp đề xuất được xác lập trên cơ sở đường lối chung của Đảng và Nhà nước, vận dụng trong điều kiện cụ thể của Tp.HCM, khai thác từ kết quả nghiên cứu, hệ thống lý luận và thực tiễn trong bối cảnh HNQT. Từ đó, các giải pháp có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng các quyết sách thúc đẩy phát triển HĐXB và quản lý HĐXB phục vụ nhu cầu hưởng thụ của Nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh của cả nước nói chung và Tp.HCM nói riêng.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Thái Thu Hoài (2018), “Phát triển nguồn nhân lực xuất bản TP.HCM thống nhất trong đa dạng”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 405, tr.90 - 96.

2. Thái Thu Hoài (2019), “Công nghiệp xuất bản tại Thành phố Hồ Chí Minh với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0”, *Kỷ yếu hội nghị nghiên cứu khoa học của Nghiên cứu sinh 2018*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr. 149-159.

3. Thái Thu Hoài (2019), “Nguồn nhân lực xuất bản trong kỷ nguyên công nghệ số và vấn đề đổi mới phương pháp giảng dạy đối với các trường đại học”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học Khoa Xuất bản, Phát hành Trường Đại học Văn hóa Hà Nội*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr. 88-97.

4. Thái Thu Hoài (2019), “Digital Technology - Opportunities and Challenges for the Publishing Industry Development. Case Study in Ho Chi Minh City, Vietnam” (Kỷ nguyên công nghệ số - cơ hội và thách thức trong phát triển công nghiệp xuất bản ở Tp. Hồ Chí Minh), *Digital disruption era: Challenges and opportunities for business management*, (Conference Proceedings, 1st Internationnal) Conference on Management Sciences, Thailand.

5. Thái Thu Hoài (đồng tác giả) (2020), “Xây dựng thói quen đọc sách cho trẻ em từ gia đình”, Tạp chí *Văn hóa và nguồn lực*, số 2 (21), tr.76-80.

6. Thái Thu Hoài (2020), “Sở hữu trí tuệ và vấn đề phát triển công nghiệp xuất bản tại Thành phố Hồ Chí Minh”, *Kỷ yếu hội nghị nghiên cứu khoa học của Nghiên cứu sinh 2019*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.59-68.

7. Thái Thu Hoài (2021), “Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển ngành công nghiệp xuất bản hiện nay”, *Kỷ yếu hội nghị nghiên cứu khoa học của Nghiên cứu sinh năm 2020*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.45-55.

8. Thái Thu Hoài (đồng tác giả) (2023), “Văn hóa đọc nhìn từ thị trường sách Việt Nam”, Tạp chí *Văn hóa và nguồn lực*, số 2 (34), tr.100-105.

9. Thái Thu Hoài (đồng tác giả) (2023), “Đào tạo nhân lực ngành kinh doanh xuất bản phẩm theo định hướng ứng dụng đáp ứng nhu cầu xã hội”, *Xuất bản Việt Nam, 70 năm xây dựng và phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr.628-637.